

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 22-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh
2. Ông Nguyễn Văn Truyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1960, địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông S ủy quyền cho anh Phan Văn D, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền đề ngày 07/6/2019, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp P1, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị T3, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp P1, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2019 của nguyên đơn ông Bùi Văn S, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án; anh Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2015 đến tháng 3/2016, ông Bùi Văn S có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi heo cho ông Lê Văn C, hình thức hợp đồng bằng miệng. Hai bên thỏa thuận khi nào bán heo thì thanh toán tiền, thời gian bán heo từ 04 đến 05 tháng.

Đến tháng 3/2017, hai bên kết thúc mua bán do ông C và vợ bà Lê Thị T3 nhiều lần bán heo nhưng không thanh toán đủ số tiền thức ăn cho ông S.

Vào ngày 03/5/2017, hai bên tiến hành tổng kết nợ nên ông C, bà T3 còn nợ ông S tổng số tiền là 117.869.000 đồng, ông C có ký tên xác nhận nợ và hứa đến tháng 7/2017 sẽ trả trước 20.000.000 đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận sau. Từ đó cho đến nay, ông C và bà T3 có thực hiện việc trả tiền thông qua nhiều cách thức nên nay ông C và bà T3 còn nợ ông S số tiền là 90.869.000 đồng. Việc ông S bán thức ăn cho ông C thì bà T3 là vợ có biết và ông C mua thức ăn chăn nuôi heo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình.

Tại đơn khởi kiện, ông S khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T3 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền 117.869.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nay ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông S yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T3 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền 90.869.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019, ông Lê Văn C trình bày như sau:

Từ năm 2015 đến tháng 3/2017, ông Bùi Văn S có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông. Khi mua bán hai bên thỏa thuận miệng là khi nào bán heo thanh toán tiền. Ngày 03/5/2017, hai bên tổng kết vợ chồng ông còn nợ ông S số tiền 117.869.000 đồng, có ký giấy xác nhận và thỏa thuận đến tháng 7/2017 sẽ trả trước 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng ông không có thanh toán cho ông S do không có khả năng. Sau đó, ông S có đến bắt 13 con heo con với tổng số tiền là 27.000.000 đồng nên nay vợ chồng ông còn nợ lại ông S số tiền là 90.869.000 đồng. Nay ông đồng ý hoàn trả cho ông S số tiền 90.869.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật, cụ thể vắng mặt vào các lần Tòa mời cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị T3 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Bùi Văn S số tiền mua bán thức ăn là 90.869.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ hoàn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 06/5/2019, ông Bùi Văn S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị T3 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền nợ thức ăn chăn nuôi heo là 117.869.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 13/5/2019 của Công an xã H xác định ông Lê Văn C và bà Lê

Thị T có nơi cư trú tại ấp P, xã H, huyện M nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Đối với bị đơn Lê Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T3 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà T3 là phù hợp.

[3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2018. Cụ thể: Ông Bùi Văn S yêu cầu ông Lê Văn C và bà Lê Thị T3 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông số tiền nợ thức ăn chăn nuôi heo là 90.869.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất giữa ông Bùi Văn S và ông Lê Văn C có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo và việc xác lập hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên hợp đồng mua bán giữa các bên là hợp pháp. Ông C thừa nhận vợ chồng ông còn nợ ông S số tiền thức ăn là 90.869.000 đồng và ông đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông S. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông C và bà T vắng mặt tại phiên tòa nên buộc ông C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S số tiền còn nợ là 90.869.000 đồng.

Đối với bà Lê Thị T là vợ hợp pháp của ông Lê Văn C mặc dù không trực tiếp thực hiện giao dịch mua bán thức ăn với ông Bùi Văn S nhưng bà T biết việc ông C mua thức ăn của ông S để chăn nuôi heo. Xét thấy, mục đích của việc ông C chăn nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà T phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông C hoàn trả cho ông S số tiền 90.869.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận ông Bùi Văn S không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: $90.869.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.543.000 \text{ đồng}$.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn S.

Buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Bùi Văn S số tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ là 90.869.000 đồng.

Ghi nhận ông Bùi Văn S không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Văn C và bà Lê Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.543.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Bùi Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.947.000 đồng theo biên lai thu tiền số ***** ngày **/**/***** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang